

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2014**

*Tháng 3 năm 2015*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**  
**Năm 2014**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên tiếng Anh: **Binh Dinh Minerals Joint Stock Company**
- Tên giao dịch: **BIMICO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100 390 008 ngày 15/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp
- Vốn điều lệ: **123.926.300.000 đồng.**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 123.926.300.000 đồng.
- Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại: 056-3822073-3820081
- Số fax: 056-3822497
- Website: [www.bimico.vn](http://www.bimico.vn)
- Mã cổ phiếu: BMC

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

**a. Lịch sử hình thành:**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định tiền thân là Công ty Khoáng sản Bình Định được thành lập năm 1985, là một trong những Công ty có uy tín và tiên phong trong lĩnh vực khai thác sa khoáng tại tỉnh Bình Định cũng như ở Việt Nam.

Trải qua hơn 25 năm phát triển, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định đã đứng vững và ngày càng khẳng định vị trí của mình trong cơ chế thị trường. Công ty đã được nhà nước tặng Huân chương lao động hạng 3 vào năm 1999.

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá của Nhà nước, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định chuyển thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Định. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000009 ngày 08 tháng 01 năm 2001, thay đổi lần thứ 8 số 4100390008 ngày 15 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần là 13.114.000.000 đồng. Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2014 là 123.926.300.000 đồng.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định đã xúc tiến các thủ tục cần thiết để phục vụ cho việc niêm yết cổ phiếu của



Công ty trên thị trường chứng khoán tập trung. Ngày 28 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh). Tính đến ngày 31/12/2012 tổng số cổ phiếu đã phát hành và lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán TP. HCM là 12.392.630 cổ phiếu.

#### **b. Quá trình phát triển:**

- Hiện nay Công ty đang khai thác, chế biến và kinh doanh sa khoáng Titan. Sản phẩm chính của Công ty là Ilmenite, nguyên liệu chính dùng để sản xuất bột màu Titan dioxit ( $TiO_2$ ) và kim loại Titan. Bên cạnh đó trong quá trình chế biến, Công ty còn thu được các loại sản phẩm khác như: Zircon, Rutile, Monazite, Magnetic - là các hợp chất dùng trong ngành công nghiệp gạch men, que hàn điện, chế tạo bột màu Titan dioxit ( $TiO_2$ ).

- Sản phẩm của Công ty sau khi được sản xuất ra đều đạt được chất lượng theo yêu cầu về chất lượng của khách hàng trong và ngoài nước. Quặng tinh Ilmenite có hàm lượng thấp nhất là 52%  $TiO_2$ , bột Zircon mịn có hàm lượng 65%  $ZrO_2$  min, Rutile có hàm lượng 87%  $TiO_2$ , Monazite có hàm lượng REO > 57% và Magnetic có hàm lượng  $Fe_3O_4$  > 75%.

- Trong năm 2007, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng dây chuyền nghiền mịn Zircon với vốn đầu tư khoảng 4 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm xuất khẩu, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, cũng như thỏa mãn đầy đủ các tiêu chuẩn xuất khẩu do Nhà nước quy định.

- Ngày 16/9/2007 Công ty đã chính thức khởi công Dự án Nhà máy Xi titan Bình Định. Đây là dự án chế biến sâu Titan đầu tiên của cả nước. Tháng 1 năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào hoạt động Nhà máy Xi titan Bình Định – giai đoạn 1 với công suất giai đoạn 1 là 9.500 tấn sản phẩm/năm. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 khoảng 44 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao đáng kể giá trị gia tăng của sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm tài nguyên, kéo dài tuổi thọ của mỏ, đồng thời phù hợp với quy hoạch của Nhà nước về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan giai đoạn 2007 – 2015, định hướng phát triển đến 2025. Nhà máy sản xuất ra các loại sản phẩm là Xi Titan có hàm lượng từ 75% đến 92%  $TiO_2$  và Gang hợp kim có hàm lượng  $Fe \geq 98\%$ , đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu cho thị trường Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Năm 2011, thị trường tiêu thụ mặt hàng Xi titan có sự khởi sắc hơn so với trước. Mặt khác thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng này cũng đã giảm từ 15% xuống 10%. Các yếu tố trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu mặt hàng Xi titan. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của thị trường về mặt hàng này, Đại hội

đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua việc tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 của Dự án Nhà máy Xi titan Bình Định. Công suất của Dự án giai đoạn 2 tăng lên 2,5 lần so với công suất ban đầu của Dự án giai đoạn 2. Quý 3 năm 2012 Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành dây chuyền luyện xi titan giai đoạn 2, làm tiền đề quan trọng cho việc nâng cao sản lượng sản phẩm chế biến sâu cho các năm sau. Trong quá trình đầu tư xây dựng, ngoài việc đầu tư cho hệ thống thiết bị phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, Công ty còn tiến hành đầu tư thêm hệ thống xử lý khói bụi cho dây chuyền thiết bị. Việc đầu tư này đã giải quyết triệt để vấn đề ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sản xuất lâu dài, ổn định trên địa bàn.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan. Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí). Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản. Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn bộ địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm trong phạm vi tỉnh Bình Định. Bao gồm:

+ Trụ sở chính của Công ty: 11 Hà Huy Tập, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

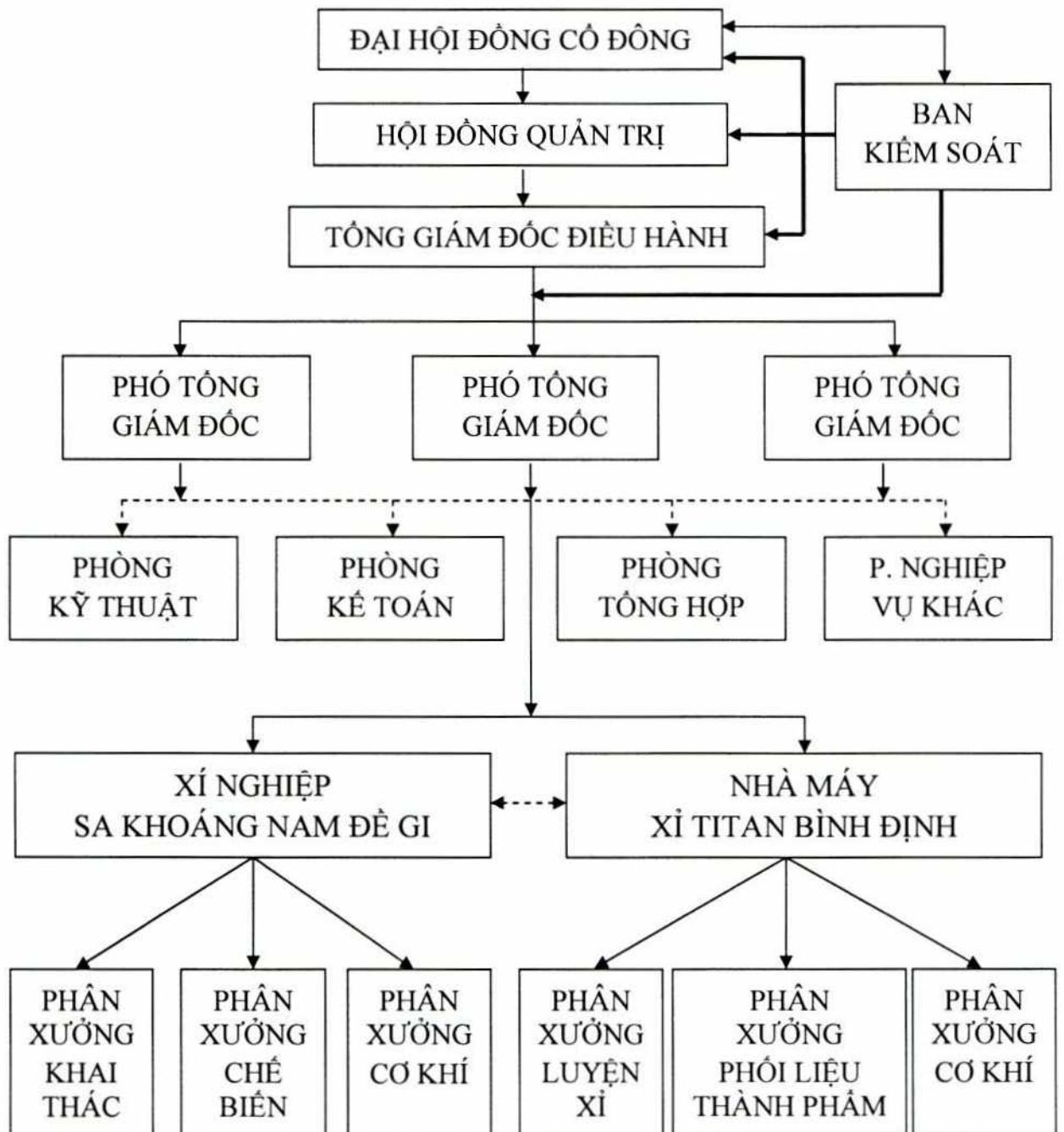
+ Các cơ sở sản xuất: Công ty hiện có 02 cơ sở sản xuất:

• Xí nghiệp Sa khoáng Nam Đê Gi, thuộc xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Sản phẩm của Xí nghiệp là các loại tinh quặng được chế biến từ quặng sa khoáng Titan nguyên khai. Bao gồm: Ilmenite, Zircon, Rutile, Monazite và Magnetic. Trong đó sản phẩm Ilmenite sản xuất ra một phần cung cấp cho Nhà máy Xi titan Bình Định, phần còn lại dùng để xuất khẩu.

• Nhà máy Xi titan Bình Định: thuộc xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Nhà máy sử dụng nguyên liệu chính là tinh quặng Ilmenite (là sản phẩm của XN Sa khoáng Nam Đê Gi) để tiếp tục thực hiện công đoạn chế biến sâu. Sản phẩm của Nhà máy hiện nay là các loại Xi titan và gang hợp kim.



4. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty:



Chú thích



Quan hệ trực tuyến



Quan hệ chức năng



Quan hệ kiểm soát

### **5. Định hướng phát triển:**

- Lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả và sự hài lòng của khách hàng làm thước đo cho sự phát triển bền vững.

#### **a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**

- Tiếp tục củng cố sản xuất kinh doanh cả mặt hàng tinh quặng truyền thống lẫn sản phẩm chế biến sâu để tận dụng lợi thế của Công ty đối với ngành khai thác và chế biến titan, tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm titan để nâng cao hiệu quả đầu tư, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước tìm kiếm dự án sản phẩm mới để thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở phát huy ưu thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến sâu titan.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động; đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

#### **b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- Tập trung cho việc vạch ra chiến lược Marketing tạo thế cạnh tranh khi thị trường tiêu thụ sản phẩm mở rộng nhằm nâng cao giá trị hàng hoá xuất khẩu.

- Tiếp tục nghiên cứu các dự án đầu tư chế biến sâu sản phẩm titan nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, kéo dài tuổi thọ của mỏ, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã tích cực và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác vùng mỏ mới với diện tích 150 ha, trữ lượng 334.597 tấn. Đây là tiền đề vô cùng quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu hiện tại của thị trường cũng như đầu tư cho các dự án đầu tư chế biến sâu mang tính dài hơi, phục vụ cho kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.

- Liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước tìm kiếm sản phẩm mới nhằm thực hiện chiến lược đa dạng hoá sản phẩm.

- Tái cấu trúc lại mô hình tổ chức quản lý nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

#### **c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

Trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường. Mục tiêu của Công ty đối với vấn đề môi trường là:

- Hướng tới việc hình thành nên một hệ thống sản xuất thân thiện với môi trường, giảm thiểu đến mức thấp nhất các chất thải nguy hại cũng như các ảnh hưởng tiêu cực khác đến môi trường.



- Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân tại nơi có tài nguyên Công ty đang khai thác hoặc địa bàn mà Công ty đứng chân phù hợp với khả năng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty theo các phương thức thích hợp nhằm thực hiện có hiệu quả việc từng bước góp phần cải thiện đời sống nhân dân tại địa phương, tạo sự đồng thuận cao giữa doanh nghiệp và địa phương cũng như môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty.**

### **a. Rủi ro biến động kinh tế.**

Mức độ tăng trưởng của nền kinh tế là một nhân tố quan trọng quyết định tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp có sử dụng hợp chất Titan (bất động sản, công nghiệp ô tô, hàng không, vũ trụ, công nghiệp men, sứ, nhựa, sơn ...) và qua đó trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng tới ngành khai thác và chế biến các sản phẩm từ quặng Titan. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu về hợp chất Titan và ngược lại, nền kinh tế phát triển trì trệ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành khai thác và sản xuất các hợp chất Titan. Mức độ phát triển của nền kinh tế thế giới có ảnh hưởng đến sự phát triển của các ngành công nghiệp và gián tiếp tác động đến sự phát triển của các doanh nghiệp hoạt động khai thác chế biến sa khoáng Titan.

### **b. Rủi ro chính sách nhà nước.**

Sản phẩm của Công ty 95% được xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Malaysia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Châu Âu. Để bảo đảm sự phát triển ổn định và vững chắc của doanh nghiệp, tạo sự chủ động của Công ty trong sản xuất kinh doanh trước chủ trương hạn chế xuất khẩu tinh quặng Titan của Nhà nước hiện nay, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào vận hành khai thác toàn bộ dây chuyền sản xuất Xi titan với công suất thiết kế khoảng 35.000 tấn sản phẩm /năm. Việc đưa toàn bộ dây chuyền sản xuất xi titan vào hoạt động là tiền đề quan trọng cho Công ty trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

### **c. Rủi ro pháp luật.**

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chế độ, chính sách luôn có thể xảy ra – đặc biệt là các chính sách về thuế - và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

### **d. Rủi ro tỷ giá hối đoái.**

Phần lớn doanh thu của Công ty từ việc xuất khẩu và các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Công ty được ký với đơn vị tính là USD, do đó sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến doanh thu của Công ty, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2014 tỷ giá VND/USD biến động tăng ở mức độ vừa phải, nên ảnh hưởng không nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**e. Rủi ro khác.**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2014	TH 2014	TH 2014 /KH 2014	TH 2014 /TH 2013
1. Giá trị sản xuất CN	Tr.đồng	99.000	49.646	50,15%	51,27%
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	340.000	177.979	52,35%	39,99%
3. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD				
4. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	13.500	7.430	55,04%	39,12%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	30.000	26.494	88,31%	26,81%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	24.000	21.064	87,77%	26,32%
7. Đầu tư mới	Tr.đồng	16.000	8.487	53,04%	34,85%
8. Nộp ngân sách	Tr.đồng	50.000	71.038	142,08%	55,16%

Trong năm 2014, sản lượng tiêu thụ đạt 21.098 tấn sản phẩm các loại, chỉ bằng 42,33% so với năm 2013. Do ảnh hưởng tiêu cực của thị trường kinh tế thế giới, giá bán trong năm 2014 vẫn tiếp tục đà suy giảm của năm 2013. Vì vậy, doanh thu 2014 chỉ bằng 39,99% so với năm 2013. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 7,43 triệu USD bằng 39,12% so với thực hiện năm 2013. Nhìn chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 là không đạt chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đề ra: So với kế hoạch 2014, doanh thu chỉ đạt 52,35%; kim ngạch xuất khẩu bằng 55,04%; lợi nhuận sau thuế bằng 87,77%; riêng chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước tăng 42,06%.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đã thông qua tỷ lệ trả cổ tức năm 2014 là 30%. Trong năm 2014, do có sự khó khăn về nguồn tiền nên Công ty chưa thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông.

**2. Tổ chức và nhân sự:**

**a. Ban điều hành:**

**a.1 Danh sách:**

Ban điều hành của Công ty hiện nay gồm có:



- Ông: Lê Anh Vũ : Tổng Giám đốc
- Ông: Hà Văn Cường : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Trần Cảnh Thịnh : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Huỳnh Ngọc Bích : Kế toán trưởng.

**a.2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

**Ông LÊ ANH VŨ**

- Ngày sinh: 04/12/1962  
 Nơi sinh: Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Xã Hương Xuân, huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: Tổ 33A khu vực 1 Phường Trần Phú, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 056-3820081  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
- Quá trình công tác:
- 01/1990 - 10/1995: Chuyên viên Kế toán tại Sở Công nghiệp Bình Định
  - 11/1995 - 12/2000: Phụ trách Kế toán tại Công ty Khoáng sản Bình Định
  - 01/2001 - 05/2007: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
  - 06/2001 - 04/2011: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia.
  - 05/2001 - 10/2012: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
  - 11/2012 – 05/2014: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
  - 06/2014 - đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Số cổ phần nắm giữ: 1.922.246 cổ phần.  
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 63.351 cổ phần.  
+ Đại diện sở hữu: 1.858.895 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### **Ông HÀ VĂN CƯỜNG**

Ngày sinh: 08/01/1964  
Nơi sinh: Xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định  
Địa chỉ thường trú: 09 - Đường Võ Đình Tú, Tp. Quy Nhơn  
ĐT liên lạc ở cơ quan: 056-3825857  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy  
Quá trình công tác:

- 10/1987 - 6/1993: Công tác tại Nhà máy Cơ khí Thống nhất Nghĩa Bình, chức vụ đảm nhận: Kỹ sư cơ điện. Kỹ sư công nghệ
- 06/1993 - 10/1998: Công tác tại Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung Bình Định, chức vụ: Kỹ sư công nghệ.
- 10/1998 - 04/2002: Công tác tại Phòng Kỹ thuật Sở Công nghiệp Tỉnh Bình Định, chức vụ chuyên viên kỹ thuật
- 04/2002 – 04/2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 04/2006 – đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Số cổ phần nắm giữ: 13.577 cổ phần.  
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 13.577 cổ phần.  
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có



Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

**Ông TRẦN CẢNH THỊNH**

Ngày sinh: 20/03/1965  
Nơi sinh: Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định  
Địa chỉ thường trú: KV 12, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Bình Định  
ĐT liên lạc ở cơ quan: 056.3822039  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật  
Quá trình công tác:

- 9/1986 - 8/1994: Công tác tại Ban Quản lý Công trình Thủy điện Vĩnh Sơn
- 9/1994 - 4/2001: Công tác tại Cảng Thị Nại Bình Định.
- 5/2001 - 3/2002: Công tác tại Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định.
- 4/2002 - 3/2007: Trưởng phòng Tổng hợp Cty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 4/2007 – 02/2012: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 3/2012 - đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 12.000 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**Ông HUỖNH NGỌC BÍCH**

Ngày sinh: 15/06/1965

Nơi sinh: Tam Quan, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Tam Quan, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định  
 Địa chỉ thường trú: 363 Nguyễn Thị Minh Khai, TP Quy Nhơn, Bình Định  
 Điện thoại liên lạc: 0989 072 940  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán  
 Quá trình công tác:

- 07/1987 - 07/1995: Kế toán Công ty vật tư Bình Định
- 08/1995 - 04/2000: Kế toán tổng hợp Công ty Khoáng sản Bình Định.
- 05/2000 - 01/2008: Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
- 01/2008 - 10/2012: Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
- 11/2012 - đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định. Thư ký Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 45.372 cổ phần.  
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 45.372 cổ phần.  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

#### **b. Các thay đổi trong Ban điều hành năm 2014:**

Trong năm 2014 Công ty có sự thay đổi nhân sự cấp cao. Cụ thể:

- Chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm các chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đối với ông Ngô Văn Tổng kể từ ngày 04/06/2014.

- Bầu ông Lê Anh Vũ – thành viên Hội đồng quản trị - giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 04/06/2014.

- Bổ nhiệm ông Lê Anh Vũ giữ chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 04/06/2014.

#### **c. Người lao động tại Công ty:**

##### **c.1. Số lượng:**



Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 337 người, trong đó lao động gián tiếp là 30 người.

## **c.2 Chính sách đối với người lao động:**

### **❖ Chế độ làm việc.**

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca với mật độ 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN cho 100% CBCNV.
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV.
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành.
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn giữa ca.
- Mua bảo hiểm kết hợp tai nạn – sinh mạng – nằm viện, phẫu thuật cho toàn bộ người lao động tại Công ty.

Ngoài ra, công tác an toàn lao động được cấp lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên đều được tạo điều kiện thuận lợi.

### **❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo.**

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường

xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Giá trị đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị trong năm 2014 khoảng 8,49 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là phục vụ cho việc đầu tư mở rộng sản xuất và cải tiến công nghệ.

### 4. Tình hình tài chính:

#### a. Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	272.812	256.703	-5,90%
Doanh thu thuần	372.583	153.888	-58,70%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	98.618	23.537	-76,13%
Lợi nhuận khác	185	2.957	1.494,63%
Lợi nhuận trước thuế	98.804	26.494	-73,18%
Lợi nhuận sau thuế	80.021	21.064	-73,68%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	77,43%	58,83%	

#### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	288,55%	527,18%
Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	165,65%	139,11%
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	21,39%	13,08%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	27,20%	15,04%



<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Vòng quay hàng tồn kho:		
<u>Giá vốn hàng bán</u>	3,42	1,32
Hàng tồn kho bình quân		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	136,57%	59,95%
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	21,48%	13,69%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	37,31%	9,44%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	29,33%	8,21%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	26,47%	15,29%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần : 12.392.630

Trong đó: cổ phần phổ thông : 12.392.630

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 12.392.630

**b. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu: (tại ngày 23/05/2014)**

Đối tượng sở hữu vốn	Tổng cộng	Cổ đông Nhà nước	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	Cổ đông sở hữu dưới 1 %
<b>TRONG NƯỚC</b>					
- Số lượng CP	10.726.054	3.098.184	2.790.012	240.400	4.597.458
- Tỷ lệ (%)	86,55%	25,00%	22,51%	1,94%	37,10%
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					
- Số lượng CP	6.013.701	3.098.184	2.790.012		125.505
- Tỷ lệ (%)	48,53%	25,00%	22,51%		1,01%
Cá nhân					
- Số lượng CP	4.712.353			240.400	4.471.953
- Tỷ lệ (%)	38,03%			1,94%	36,09%
<b>NƯỚC NGOÀI</b>					
- Số lượng CP	1.666.576			910.980	755.596
- Tỷ lệ (%)	13,45%			7,35%	6,10%
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					

- Số lượng CP	1.047.366			727.340	320.026
- Tỷ lệ (%)	8,45%			5,87%	2,58%
Cá nhân					
- Số lượng CP	619.210			183.640	435.570
- Tỷ lệ (%)	5,00%			1,48%	3,51%
<b>TỔNG CỘNG</b>					
- Số lượng CP	<b>12.392.630</b>	<b>3.098.184</b>	<b>2.790.012</b>	<b>1.151.380</b>	<b>5.353.054</b>
- Tỷ lệ (%)	<b>100,00%</b>	<b>25,00%</b>	<b>22,51%</b>	<b>9,29%</b>	<b>43,20%</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					
- Số lượng CP	7.061.067	3.098.184	2.790.012	727.340	445.531
- Tỷ lệ (%)	56,98%	25,00%	22,51%	5,87%	3,60%
Cá nhân					
- Số lượng CP	5.331.563			424.040	4.907.523
- Tỷ lệ (%)	43,02%			3,42%	39,60%

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Năm 2014 không có sự biến động về vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty.

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

**e. Các chứng khoán khác:** Không có.

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**a. Tình hình thực hiện kế hoạch 2014:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Tỷ lệ hoàn thành
1. Giá trị sản xuất CN	Tr.đồng	99.000	49.646	50,15%
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	340.000	177.979	52,35%
3. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD			
4. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	13.500	7.430	55,04%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	30.000	26.494	88,31%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	24.000	21.064	87,77%
7. Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	30	30	100,00%
8. Vốn Điều lệ	Tr.đồng	123.926	123.926	100,00%
9. Đầu tư mới	Tr.đồng	16.000	8.487	53,04%
10. Nộp ngân sách	Tr.đồng	50.000	71.038	142,08%

*(Trong năm 2014 chưa thực hiện việc chi trả cổ tức của năm 2014)*

**b. Đánh giá kết quả SXKD:**



Do tình hình kinh tế và thị trường thế giới giảm sút mạnh, giá cả tiếp tục giảm, sản lượng tiêu thụ thấp nên kết quả sản xuất kinh doanh nhìn chung là chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014, riêng chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước hoàn thành vượt 42,08% kế hoạch

**c. Những tiến bộ đạt được:**

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, Công ty đã có nhiều cố gắng và đạt được những tiến bộ nhất định:

- Trong khâu khai thác: Công ty đã thực hiện đầu tư các trang thiết bị cần thiết để bảo đảm khai thác triệt để tài nguyên, tiết kiệm chi phí khai thác, kéo dài tuổi thọ của mỏ.

- Trong khâu chế biến: Nhờ đầu tư máy móc thiết bị, Công ty đã tăng tỷ lệ thu hồi sản phẩm trong quá trình chế biến sản phẩm. Đối với sản phẩm xỉ về cơ bản đội ngũ cán bộ kỹ thuật Công ty đã làm chủ được dây chuyền luyện xỉ, thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu về chất lượng sản phẩm cho các đối tượng khách hàng khác nhau.

- Về vấn đề môi trường: Công ty đã thực hiện tốt việc hoàn thổ, trồng cây phục hồi môi trường sau khai thác. Năm 2104 Công ty được đánh giá là doanh nghiệp thực hiện việc trồng cây phục hồi môi trường tốt nhất so với các doanh nghiệp khai thác titan khác tại địa bàn tỉnh Bình Định. Công ty cũng quan tâm đầu tư đáng kể vào hệ thống xử lý khói bụi. Nhờ vậy đã xử lý triệt để vấn đề khói bụi trong chế biến sâu.

- Trong năm 2014 Công ty đã tiến hành hoàn thiện trong việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào quá trình sản xuất kinh doanh. Việc áp dụng ISO 9001:2008 một mặt bảo đảm sự chặt chẽ của quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín của Công ty đối với khách hàng, mặt khác, đây cũng là tiền đề quan trọng cho Công ty trong việc tiếp cận và phát triển khách hàng mới, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

**2. Tình hình tài chính**

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2014	Năm 2013
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	46,41%	47,33%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	53,59%	52,67%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	13,08%	21,39%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	86,92%	78,61%
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	17,22%	83,19%
	- Khả năng thanh toán hiện hành	527,18%	288,55%

4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	10,32%	36,22%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,69%	21,48%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	9,44%	37,31%

#### **a. Tình hình tài sản**

Tình hình tài sản của Công ty so với năm 2013 nhìn chung ít biến động. Cơ cấu giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn không có sự thay đổi đáng kể.

Về tỷ suất lợi nhuận: thấp hơn nhiều so với năm 2013. Điều này có nguyên nhân là do thị trường trong nước và thế giới năm 2014 vẫn tiếp tục chiều hướng đi xuống, làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sản xuất kinh doanh.

- Các khoản nợ phải thu nhìn chung là bình thường, chủ yếu là các khoản phải thu tiền bán hàng của các đợt giao hàng vào thời gian cuối năm và đã được thanh toán đầy đủ vào quý 1 năm 2015. Tính đến thời điểm 31/12/2014, không tồn tại bất cứ khoản nợ xấu cũng như khoản nợ khó đòi nào trên số dư nợ phải thu của Công ty.

#### **b. Tình hình nợ phải trả**

Nợ phải trả năm 2014 có giảm một ít so với năm trước. Nhìn chung tình hình nợ phải trả là bình thường và có giảm đi so với năm 2012.

- Về nợ ngắn hạn: Chủ yếu là quỹ tiền lương dự phòng chuyển sang 2015 (gần 11 tỷ đồng) và khoản "Phí cấp quyền khai thác mỏ" (5,68 tỷ đồng). Các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác nhìn chung là bình thường.

- Về nợ dài hạn: Là khoản nợ phải trả do Công ty thuê đất tại Cụm công nghiệp Cát Nhơn để xây dựng Nhà máy xi titan Bình Định. Thời hạn trả kéo dài 45 năm kể từ ngày thuê đất.

#### **c. Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái:**

Trong năm 2014, tỷ giá USD có sự biến động nhẹ. Mức độ ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là không nhiều.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty ngày càng phát triển lớn mạnh, quy mô của Công ty phát triển trên nhiều mặt. Vốn Điều lệ tăng từ 13,1 tỷ đồng năm 2006, hiện nay là gần 124 tỷ đồng, tổng tài sản đạt hơn 256 tỷ đồng. Số lượng lao động hiện nay là 337 người, địa bàn hoạt động mở rộng và mức độ phức tạp của quản lý theo đó cũng tăng lên tương ứng.

Trong bối cảnh đó, để đáp ứng với nhu cầu quản lý sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới, Công ty đã tiến hành thay đổi mô hình quản lý từ mô hình quản lý hai



cấp (cấp Công ty và cấp Phân xưởng) sang mô hình quản lý ba cấp (cấp Công ty, cấp Nhà máy, Xí nghiệp và cấp Phân xưởng).

Như vậy, mô hình quản lý mới bổ sung thêm cấp quản lý trung gian là cấp Nhà máy, Xí nghiệp. Việc bổ sung thêm cấp quản lý này một mặt tăng cường quyền hạn cũng như tính chủ động của người đứng đầu cấp Nhà máy, Xí nghiệp; khắc phục được những bất cập của mô hình quản lý cũ; mặt khác, trách nhiệm của các cấp quản lý cũng được tách bạch rõ ràng và nâng cao hơn một bước, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý chung trong toàn Công ty.

#### ***4. Kế hoạch phát triển trong tương lai***

Theo định hướng phát triển trước mắt cũng như lâu dài, Công ty sẽ phát triển theo hướng tận dụng và phát huy mạnh mẽ các lợi thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến sa khoáng titan, tiếp tục nghiên cứu đầu tư các công nghệ chế biến titan sâu hơn trên cơ sở phát huy công nghệ hiện có và tiếp thu các công nghệ tiên tiến khác trên thế giới. Tiếp tục nâng cao hàm lượng kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, tạo ra sự khác biệt về sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh, tạo thế đứng vững chắc trong lĩnh vực khai thác và chế biến titan, tăng giá trị gia tăng của các sản phẩm, làm cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### ***1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty***

Trong năm qua, để phục vụ cho công tác quản trị Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức họp 06 lần, đã ban hành 06 nghị quyết, đồng thời thực hiện tốt quyền hạn của mình trong việc giám sát, triển khai và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Tổng Giám đốc.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp tốt và thỏa mãn các yêu cầu của Ban kiểm soát nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát phát huy đầy đủ chức năng và hoàn thành nhiệm vụ của mình trong năm 2014.

- Bên cạnh việc nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đề ra, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và đảm bảo các quyền lợi của người lao động như chế độ BHXH, BHYT, BHTN ...

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cũng quan tâm tạo điều kiện để các tổ chức chính trị xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

#### ***2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:***

Trong năm 2014, trong điều kiện sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn do thị trường giảm sút, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những nỗ lực đáng kể nhằm ổn định và duy trì sản xuất kinh doanh, cũng như trong việc nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu do Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đề ra, ổn định thu nhập cho người lao động trong Công ty, tạo cơ sở cho việc ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2015 và những năm sắp tới.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 23/05/14		Ghi chú
		Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	
	<b>Cộng</b>	<b>2,35%</b>	<b>42,51%</b>	
1	Lê Anh Vũ	0,51%	15,00%	
2	Nguyễn Văn Chánh		22,51%	Thành viên không ĐH
3	Nguyễn Bạo		10,00%	Thành viên không ĐH
4	Trần Cảnh Thịnh	0,10%		
5	Hà Văn Cường	0,11%		

#### b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

#### c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định luôn bám sát và thực hiện đúng chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp và ban hành những Nghị quyết phù hợp tình hình thực tế, góp phần mang lại hiệu quả cao cho đơn vị. Cụ thể như sau:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT-BMC	20/01/2014	Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2013; thông qua số liệu về phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2012 và 2013
2	04/NQ-HĐQT-BMC	20/01/2014	Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014.
3	05/NQ-HĐQT-BMC	07/03/2014	Thông qua phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2014 và thời gian, địa điểm tổ chức Đại



			hội đồng cổ đông thường niên 2014.
4	08/NQ- HĐQT-BMC	04/06/2014	Thông qua việc thay đổi nhân sự cấp cao tại Công ty.
5	12/NQ- HĐQT-BMC	19/09/2014	Thông qua số liệu kết quả SXKD 9T/2014
6	13/NQ- HĐQT-BMC	31/12/2014	Thông qua kết quả sơ bộ SXKD năm 2014

• **Về ưu điểm:**

☞ *Về công tác chỉ đạo điều hành:*

HĐQT thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các Nghị quyết và chỉ đạo Ban Điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT và Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty.

☞ *Về công tác nhân sự:*

Trong năm 2014, để nâng cao hiệu lực quản lý, phục vụ tốt hơn cho công tác điều hành và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục thực hiện việc hoàn thiện và ổn định cơ cấu tổ chức theo mô hình tổ chức quản lý mới theo hướng phân cấp quản lý và phân nhiệm rõ ràng hơn, tạo điều kiện để các bộ phận chủ động trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Công ty giao, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

• **Những hạn chế:**

Chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động liên doanh liên kết và đa dạng hóa sản phẩm cho nên chưa tận dụng hết lợi thế Công ty cũng như cơ hội của thị trường để nâng hiệu quả sản xuất kinh doanh lên cao hơn nữa.

• **Biện pháp khắc phục:**

Hoàn chỉnh cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành của UBCK Nhà nước. Nghiên cứu, xem xét thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và các chức danh khác phù hợp với điều kiện và yêu cầu quản trị của Công ty.

Xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HĐQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty.

Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT và trong Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty, phối hợp hài hòa mối quan hệ giữa người lao động và cổ đông của Công ty.

**d. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

Hiện tại trong cơ cấu Hội đồng quản trị chưa có thành viên độc lập không điều hành. Vấn đề này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và bầu bổ sung trong thời gian sắp tới .

**e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Hiện Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

**f. Về việc tham gia các chương trình về quản trị công ty: không có.**

**2. Ban Kiểm soát**

**a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.**

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 23/05/2014	
		Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu
	<b>Cộng</b>	<b>0,11%</b>	
1	Nguyễn Hồ Tường Vy		
2	Nguyễn Xuân Vinh	0,01%	
3	Lê Thị Trúc Mai	0,10%	

**b. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 02 lần để thực hiện việc kiểm tra định kỳ đối với các hoạt động của Công ty. Nội dung kiểm tra chủ yếu bao gồm:

- Kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm; thẩm định báo cáo tài chính; báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty; báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra những kiến nghị, đề xuất trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn.



Ngoài ra Ban kiểm soát còn thực hiện công tác giám sát bao gồm giám sát việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước; Điều lệ Công ty; các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

❖ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

• Hội đồng quản trị

*ĐVT: 1.000 đồng*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Lê Anh Vũ	Chủ tịch	81.600	62.979	144.579
2	Nguyễn Văn Chánh	Thành viên	67.200	40.077	107.277
3	Nguyễn Bạo	Thành viên	67.200	40.077	107.277
4	Hà Văn Cường	Thành viên	67.200	62.979	130.179
5	Trần Cảnh Thịnh	Thành viên	67.200	62.979	130.179

• Ban kiểm soát:

*ĐVT: 1.000 đồng*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Nguyễn Hồ Tường Vy	Trưởng ban	67.200	40.077	107.277
2	Lê Thị Trúc Mai	Thành viên	48.000	28.627	76.627
3	Nguyễn Xuân Vinh	Thành viên	48.000	28.627	76.627

❖ Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

*ĐVT: 1.000 đồng*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Khác	Cộng
1	Lê Anh Vũ	Tổng GĐ	217.873	71.830	10.785	300.488
2	Hà Văn Cường	Phó TGD	206.956	71.830	10.982	289.768
3	Trần Cảnh Thịnh	Phó TGD	182.328	62.308	10.782	255.418
4	Huỳnh Ngọc Bích	KTT	155.185	52.622	10.730	218.537

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP giao dịch	
			Mua	Bán
1	Hà Văn Cường	Thành viên HĐQT		2.000

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Không phát sinh.

**d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị hiện chưa có thành viên HĐQT độc lập không điều hành. Vấn đề này sẽ được Hội đồng quản trị đưa vào chương trình nghị sự và bổ sung trong thời gian sắp tới.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014**



Số: 49.../BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***(Về Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định)***Kinh gửi:** - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định  
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29. tháng 01. năm 2015  
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)  
Giám đốc



*Alm*

Đỗ Khắc Thanh  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

*Chu Thế Bình*

Chu Thế Bình  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1858-2013-142-1

SO  
CC  
CH  
CH  
A  
PH  
- 71



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>137.557.201.488</b>	<b>143.693.354.363</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>4.494.159.196</b>	<b>41.428.695.410</b>
1. Tiền	111		4.494.159.196	37.297.534.522
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.131.160.888
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>2</b>	<b>21.420.933.856</b>	<b>20.074.001.178</b>
1. Phải thu khách hàng	131	2.1	16.861.882.500	13.635.839.421
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	365.500.000	6.419.496.773
5. Các khoản phải thu khác	135	2.3	4.193.551.356	18.664.984
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>3</b>	<b>101.259.590.866</b>	<b>61.203.057.574</b>
1. Hàng tồn kho	141		101.259.590.866	61.203.057.574
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>4</b>	<b>10.382.517.570</b>	<b>20.982.600.201</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.1	5.403.213.931	20.980.902.44
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	4.2	4.979.303.639	692.957
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>119.146.083.948</b>	<b>129.118.391.094</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>5</b>	<b>3.272.164.500</b>	<b>2.727.988.000</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218		3.272.164.500	2.727.988.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>93.277.868.188</b>	<b>106.588.397.531</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>6</b>	<b>93.151.986.369</b>	<b>104.964.394.708</b>
- Nguyên giá	222		204.820.716.997	196.142.420.726
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(111.668.730.628)	(91.178.026.018)
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>7</b>		
- Nguyên giá	228		-	25.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	(25.600.000)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>8</b>	<b>125.881.819</b>	<b>1.624.002.823</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>9</b>	<b>22.596.051.260</b>	<b>19.802.005.563</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		22.596.051.260	19.802.005.563
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>256.703.285.436</b>	<b>272.811.745.457</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>33.565.086.562</b>	<b>58.344.986.242</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>10</b>	<b>26.093.008.666</b>	<b>49.799.000.687</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	10.1	-	557.413.086
3. Người mua trả tiền trước	313	10.2	-	983.345.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.3	1.876.419.786	14.891.558.205
5. Phải trả người lao động	315	10.4	10.990.695.537	15.136.906.397
6. Chi phí phải trả	316	10.5	7.334.765.428	3.382.872.818
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	10.6	1.874.264.787	2.101.336.853
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	10.7	4.016.863.128	12.745.568.328
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>11</b>	<b>7.472.077.896</b>	<b>8.545.985.555</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	11.1	7.472.077.896	8.545.985.555
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>223.138.198.874</b>	<b>214.466.759.215</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>223.138.198.874</b>	<b>214.466.759.215</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		123.926.300.000	123.926.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.391.000.000	19.391.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.579.231.597	12.523.824.666
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.392.337.618	12.392.337.618
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45.849.329.659	46.233.296.931
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>256.703.285.436</b>	<b>272.811.745.457</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		147,713.74	1,929,249.60
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Bích Hương

Huỳnh Ngọc Bích

Lê Anh Vũ

SỐ  
CÓ  
NH  
I VL  
I(N)  
KIỂ  
I(A  
TP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	13	177.979.562.681	445.040.512.972
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	24.091.387.290	72.457.918.690
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	153.888.175.391	372.582.594.282
4. Giá vốn hàng bán	11	16	107.040.687.482	228.780.685.621
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		46.847.487.909	143.801.908.661
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	697.500.725	3.812.353.529
7. Chi phí tài chính	22	18	106.275.590	682.117.342
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.379.037	33.172.898
8. Chi phí bán hàng	24		11.365.082.804	33.660.324.443
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.536.550.187	14.653.525.819
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		23.537.080.053	98.618.294.589
11. Thu nhập khác	31	19	2.957.322.909	185.454.545
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.957.322.909	185.454.545
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.494.402.962	98.803.749.134
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	5.430.333.303	18.783.152.488
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		21.064.069.659	80.020.596.646
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.700	6.457

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*Huong*

*Nguyen*



Nguyễn Thị Bích Hương

Huỳnh Ngọc Bích

Lê Anh Vũ



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

**Năm 2014**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>26.494.402.962</i>	<i>98.803.749.134</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao TSCĐ	02	20.490.704.610	23.158.932.394
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(116.347.446)	(456.080.943)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.847.103)	(1.891.614.076)
- Chi phí lãi vay	06	6.379.037	33.172.898
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>46.848.292.060</i>	<i>119.648.159.407</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	13.282.252.472	(18.257.334.219)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(40.056.533.292)	11.548.822.684
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(20.524.071.026)	(651.772.131)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.794.045.697)	(4.239.043.368)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.379.037)	(33.172.898)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.879.406.686)	(27.005.911.312)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(544.176.500)	(544.176.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(17.674.067.706)</i>	<i>80.465.571.663</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.180.175.267)	(21.157.448.541)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		185.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		33.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.847.103	1.706.159.531
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(7.153.328.164)</i>	<i>13.734.165.535</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.889.893.810	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.889.893.810)	(8.561.121.540)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.126.051.850)	(60.538.050.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(12.126.051.850)</i>	<i>(69.099.171.940)</i>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**  
Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(36.953.447.720)	25.100.565.258
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	41.428.695.410	15.217.566.618
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	18.911.506	1.110.563.534
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	4.494.159.196	41.428.695.410

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

*Hương*

Nguyễn Thị Bích Hương

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*N. Ngọc Bích*

Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Anh Vũ

501  
CỔ  
ĐƠN  
HỮU  
HỮU  
KIỂM  
HÓA  
TP.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** Năm 2014

### **I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Bình Định được thành lập theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Định về việc chuyển công ty Khoáng Sản Bình Định thành công ty Cổ Phần; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu Công ty Cổ Phần số 3503000009 ngày 08 tháng 01 năm 2001; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 15 tháng 5 năm 2012; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 30 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 123.926.300.000 đồng (Một trăm hai mươi ba tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất công nghiệp. Khai thác chế biến và tiêu thụ các loại khoáng sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh:** Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan và các loại quặng, khoáng sản khác. Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí). Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản. Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

### **II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

1. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **III Chế độ kế toán áp dụng:**

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### **IV Các chính sách kế toán áp dụng:**

1. **Nguyên tắc xác định các khoản tiền:** Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

#### **1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

2. **Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

#### **2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.1 Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Không phát sinh.

**4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Không phát sinh.

**5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

**6. Hợp đồng thuê tài chính:** Không phát sinh.

**7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:** Không phát sinh.

**8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

**8.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:**  
*Không phát sinh*

**8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**8.3.1.** Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCD trong kỳ được vốn hoá vào TSCD đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**8.3.2.** Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCD trong kỳ được vốn hoá vào TSCD đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: không phát sinh**

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:**

**9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:**

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:**

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCD vô hình.

**10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

**10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

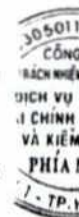
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

**10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**11. Kế toán các hoạt động liên doanh:**

**11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:**



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

### 11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lý kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

### 12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### 13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm: không phát sinh

### 14. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

### 15. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi: Không phát sinh

### 16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không phát sinh

### 17. Nguồn vốn chủ sở hữu:

#### 17.1 Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

#### 17.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:





## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

### **18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

#### **18.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### **18.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### **18.3 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		
<b>1.1- Tiền mặt - VND</b>	<b>1.208.840.382</b>	<b>629.757.575</b>
- Tiền mặt Việt Nam đồng	1.208.840.382	629.757.575
<b>1.2- Các khoản tiền gửi ngân hàng</b>	<b>3.285.318.814</b>	<b>36.667.776.947</b>
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT - CN.Bình Định (VND)	83.566.214	72.112.913
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN.Bình Định (VND)	41.919.884	41.655.453
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - CN.Bình Định (VND)	2.451.524	19.803.317
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN.Bình Định (# 807.11 USD)	17.251.976	136.695.521
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT - CN.Bình Định (# 145,138.35 USD)	3.102.332.231	31.091.625.515
- Ngân hàng NN & PTNT- CN.Bình Định (# 1,768.28 USD)	37.796.985	5.305.884.228
<b>1.3- Các khoản tương đương tiền</b>		<b>4.131.160.888</b>
- Tiền gửi tiết kiệm USD tại NH ACB - CN.Bình Định (# 195,990.87 - Kỳ hạn 01 tháng)		4.131.160.888
<b>Cộng</b>	<b>4.494.159.196</b>	<b>41.428.695.410</b>
<b>2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>		
<b>2.1- Phải thu khách hàng</b>	<b>16.861.882.500</b>	<b>13.635.839.421</b>
- Công ty KDC Malaysia (# 233,100.00 USD)	2.991.645.000	6.055.172.811
- Mineral Venture International (MVI) (# 139,960.00 USD)	4.982.512.500	
- Công ty Qinzhou Dewei Trade Company LTD-T.Quốc (# 415,800.00 USD)	8.887.725.000	7.580.666.604
<b>2.2- Trả trước cho người bán</b>	<b>365.500.000</b>	<b>6.419.496.773</b>
- Công ty TNHH DVTM Bình Hải	122.500.000	
- Đoàn địa chất 502	30.000.000	
- Mitsui & Co LTD Việt Nam	168.000.000	
- Viện Công Nghệ Vật liệu Vô Cơ		110.000.000
- Công ty Cơ điện xây lắp Hùng Vương		2.604.900.000
- Viện khoa học công nghệ mỏ - Luyện kim		446.000.000
- Trung tâm Quan trắc môi trường Bình Định		142.869.500
- DNTN May thương mại Vạn Phát		650.000.000
- Khác		35.000.000
- Phan Thanh Nghị	25.000.000	25.000.000
- Đào Cát Hùng		5.000.000
- NM cơ khí thủy nông Hùng Vương		1.811.000.000
- Đoàn địa chất 506	20.000.000	30.000.000
- Công ty TNHH giống cây trồng Anh Vũ		400.000.000
- Viện nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt		7.000.000
- Công ty CP quốc tế HMT Việt Nam		122.727.273
- Công ty TNHH TVXD Cát Tiến		30.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

<b>2.3- Các khoản phải thu khác</b>		4.193.551.356	18.664.984
- Bảo hiểm thất nghiệp		23.942.080	7.464.984
- Bảo hiểm y tế		53.869.680	
- Khác		75.000.000	
- Thuế GTGT (đã có Quyết Định hoàn thuế)		4.040.739.596	
- Thuế TNCN HDQT bên ngoài công ty			11.200.000
<b>Cộng</b>		<b>21.420.933.856</b>	<b>20.074.001.178</b>
<b>3. HÀNG TỒN KHO</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyên liệu, vật liệu		6.799.815.551	4.550.786.801
- Công cụ, dụng cụ		1.660.621.246	1.020.087.651
- Thành phẩm		92.799.154.069	55.632.183.122
<b>Cộng</b>		<b>101.259.590.866</b>	<b>61.203.057.574</b>
<b>4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
4.1 - Thuế GTGT được khấu trừ		5.403.213.931	20.986.907.244
4.2 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		4.979.303.639	602.957
- Thuế xuất khẩu			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		4.024.100.519	
- Thuế thu nhập cá nhân		61.948.965	
- Phí và lệ phí khác (Phí Bảo vệ môi trường)		893.254.155	
<b>Cộng</b>		<b>10.382.517.570</b>	<b>20.987.600.201</b>
<b>5. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
* Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn		3.272.164.500	2.727.988.000
- Ký quỹ môi trường mô 73 ha Phù Cát		438.000.000	438.000.000
- Ký quỹ môi trường mô 150 ha Phù Cát		2.834.164.500	2.289.988.000
<b>Cộng</b>		<b>3.272.164.500</b>	<b>2.727.988.000</b>

**6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	37.764.689.506	137.548.927.813	19.973.690.801	855.112.606	196.142.420.726
2. Số tăng trong năm	3.260.077.509	4.834.844.216	583.374.546		8.678.296.271
Bao gồm:					
- Do mua sắm mới		839.231.498	583.374.546		1.422.606.044
- Cải tạo sửa chữa	3.260.077.509				3.260.077.509
- Chuyển từ XD CBDD		3.995.612.718			3.995.612.718
3. Số giảm trong năm					
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm	41.024.767.015	142.383.772.029	20.557.065.347	855.112.606	204.820.716.997
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2014*

1. Số dư đầu năm	14.794.260.720	65.823.604.738	9.964.494.482	595.666.078	91.178.026.018
2. Số tăng trong năm	4.416.884.093	13.590.085.201	2.370.118.889	113.616.427	20.490.704.610
3. Số giảm trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm	19.211.144.813	79.413.689.939	12.334.613.371	709.282.505	111.668.730.628
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	22.970.428.786	71.725.323.075	10.009.196.319	259.446.528	104.964.394.708
2. Tại ngày cuối năm	21.813.622.202	62.970.082.090	8.222.451.976	145.830.101	93.151.986.369

**7. CHI PHÍ XDCB DỨ DANG**

- Mua sắm tài sản cố định
- Xây dựng nhà máy Xi Titan

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
125.881.819	291.711.332
	1.332.291.491
<b>125.881.819</b>	<b>1.624.002.823</b>

**8. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

- \* *Chi phí trả trước dài hạn*
- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ
- Phí cấp quyền khai thác mỏ
- Chi phí trồng rừng mô 73 ha Cát Thành
- Tiền thuê đất NMX 45 năm theo hợp đồng thuê đất
- Chi phí khoan thăm dò địa chất mỏ Cát Thành
- Kinh phí đóng góp xây dựng hạ tầng mô 150 ha

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
<b>22.596.051.260</b>	<b>19.802.005.563</b>
1.351.850.260	2.158.499.563
7.654.965.000	
1.214.425.000	
12.374.811.000	12.689.451.000
	79.391.000
	4.874.664.000
<b>22.596.051.260</b>	<b>19.802.005.563</b>

**9. NỢ NGẮN HẠN**

- 9.1- Phải trả người bán
  - DNTN Xuyên Quốc Dân
  - Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Vũ Anh
  - Công ty CP Phân Bón và DVTH Bình Định
  - Võ Bá Sơn
  - Công ty CP thiết bị hạ tầng Facon
- 9.2- Người mua trả tiền trước
  - DNTN Hạnh Thảo
  - Công ty TNHH Huy Tùng
- 9.3- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
  - Thuế thu nhập doanh nghiệp
  - Thuế tài nguyên
  - Phí bảo vệ môi trường
- 9.4- Phải trả người lao động
  - Lương phải trả công nhân viên

Số cuối năm	Số đầu năm
	557.413.086
	158.896.339
	313.899.520
	23.272.727
	20.312.000
	41.032.500
	983.345.000
	36.945.000
	946.400.000
1.876.419.786	14.891.558.205
	4.424.972.864
1.876.419.786	10.056.861.996
	409.723.345
10.990.695.537	15.136.906.397
10.990.695.537	15.136.906.397

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

<b>9.5- Chi phí phải trả</b>	<b>7.334.765.428</b>	<b>3.382.872.818</b>
- Thủ lao của HĐQT & BKS	46.000.000	40.400.000
- Kinh phí xây dựng CSHT mô 73 ha Phù Cát		2.920.000.000
- Bảo hiểm Bưu Điện - CN Bình Định		10.910.909
- Công ty TNHH DVTM Bình Hải	225.000.000	222.000.000
- Công ty Giám định Vinacontrol - CN Quy Nhơn		5.200.000
- Khác		70.000.000
- Trung Tâm Quan Trắc Môi Trường Bình Định		57.361.909
- Đoàn Địa Chất 506	31.117.428	30.000.000
- Phí trước bạ xe		27.000.000
- Công ty TNHH vận tải & TM Thịnh phát	55.300.000	
- Phí quyền khai thác mỏ	5.681.638.000	
- Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thái Sơn	850.000	
- Hiệu may Việt Huy (đồng phục nhân viên)	1.294.860.000	
<b>9.6- Các khoản, phải trả phải nộp khác</b>	<b>1.874.264.787</b>	<b>2.101.336.853</b>
- Kinh phí Công đoàn	1.234.076.678	1.209.771.126
- Bảo hiểm xã hội	170.839.109	78.068.903
- Bảo hiểm y tế		32.169.024.50
- Phan Huy Hoàng	66.538.660	66.538.660
- Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	277.969.440	157.599.965
- Thuế thu nhập cá nhân người ngoài công ty	1.444.600	
- CNCNV ủng hộ đồng bào bão lụt		19.260.000
- Cổ đông Quách Xiếu An	750.000	750.000
- Phí bảo hành công trình XD CB (Trung tâm Quan Trắc Môi trường Bình Định)		30.000.000
- Quỹ trả cổ tức	101.437.300	505.230.175
- Cổ tức 10% của cổ đông lưu ký sản chứng khoán SME	1.949.000	1.949.000
- Khác	19.260.000	
<b>9.7- Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>4.016.863.128</b>	<b>12.745.568.328</b>
- Quỹ khen thưởng	2.895.361.328	9.345.362.328
- Quỹ phúc lợi	1.121.499.800	3.000.000.000
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành công ty	2.000	400.206.000
<b>Cộng</b>	<b>26.093.008.666</b>	<b>49.799.000.687</b>
<b>10. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
10.1- Vay và nợ dài hạn	7.472.077.896	8.545.985.555
- Tiền thuê đất nhà máy xi	7.472.077.896	8.545.985.555
<b>Cộng</b>	<b>7.472.077.896</b>	<b>8.545.985.555</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

*Địa chỉ: 11 Hồ Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2014*

**II. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu*

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	123.926.300.000	19.391.000.000	12.544.090.831	12.392.337.618		35.355.438.920	203.609.166.569
- Tăng vốn trong năm trước							
- Lãi trong năm trước						80.020.596.646	80.020.596.646
- Tăng khác						22.265.365	22.265.365
- Giảm vốn trong năm trước							
- Lỗ trong năm trước							
- Giảm khác			20.265.365			69.165.004.000	69.185.269.365
Số dư cuối năm trước	123.926.300.000	19.391.000.000	12.523.824.666	12.392.337.618		46.233.296.931	214.466.759.215
Số dư đầu năm nay	123.926.300.000	19.391.000.000	12.523.824.666	12.392.337.618		46.233.296.931	214.466.759.215
- Tăng vốn trong năm nay							
- Lãi trong năm nay						21.064.069.659	21.064.069.659
- Tăng khác			9.055.406.931				9.055.406.931
- Giảm vốn trong năm nay							
- Lỗ trong năm nay							
- Giảm khác (*)						21.448.036.931	21.448.036.930
Số dư cuối năm nay	123.926.300.000	19.391.000.000	21.579.231.597	12.392.337.618		45.849.329.659	223.138.198.874

**Ghi chú:**

(\*) *Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trích theo Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông số 06/NQ-DHDCD-BMC ngày 10/04/2014*

- *Trích quỹ có tác bổ sung 30% của năm 2013*

- *Trích quỹ đầu tư phát triển*

Cộng

Số tiền

12.392.630.000

9.055.406.931

21.448.036.931





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	25%	30.981.840.000	30.981.840.000
- Vốn góp của đối tượng khác	75%	92.944.460.000	92.944.460.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>123.926.300.000</b>	<b>123.926.300.000</b>

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
+ Vốn chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	123.926.300.000	123.926.300.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	123.926.300.000	123.926.300.000

+ Cổ tức lợi nhuận đã chia

d/ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.392.630	12.392.630
+ Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	12.392.630	12.392.630
- Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	12.392.630
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.392.630	12.392.630
- Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	12.392.630
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

e/ Các quỹ của doanh nghiệp

	33.971.569.215	24.916.162.284
+ Quỹ đầu tư và phát triển	21.579.231.597	12.523.824.666
+ Quỹ dự phòng tài chính	12.392.337.618	12.392.337.618

**12. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	177.979.562.681	445.040.512.972
<b>Cộng</b>	<b>177.979.562.681</b>	<b>445.040.512.972</b>

**13. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
- Thuế xuất khẩu	24.091.387.290	72.390.124.290
- Hao hụt bán hàng		67.794.400
<b>Cộng</b>	<b>24.091.387.290</b>	<b>72.457.918.690</b>

**14. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuận trao đổi sản phẩm, hàng hóa	153.888.175.391	372.582.594.282
<b>Cộng</b>	<b>153.888.175.391</b>	<b>372.582.594.282</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn của thành phẩm đã bán

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
107.040.687.482	228.780.685.621
<b>107.040.687.482</b>	<b>228.780.685.621</b>

**16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
26.847.103	1.706.159.531
670.653.622	2.106.193.998
<b>697.500.725</b>	<b>3.812.353.529</b>

**17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay

- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
6.379.037	33.172.898
99.896.553	648.944.444
<b>106.275.590</b>	<b>682.117.342</b>

**18. THU NHẬP KHÁC**

- Doanh thu tuyển mẩu

- Thanh lý tài sản cố định

- Hoàn nhập chi phí XD CSHT (73ha mỏ Cát Thành)

- Thu nhập khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
9.090.909	
	185.454.545 <sup>0112</sup>
2.920.000.000	
28.232.000	
<b>2.957.322.909</b>	<b>185.454.545<sup>0112</sup></b>

**19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
5.430.333.303	18.783.152.488
<b>5.430.333.303</b>	<b>18.783.152.488</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu

- Chi phí nhân công

- Chi phí khấu hao TSCĐ

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí bằng tiền khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
87.081.308.639	144.813.110.617
17.985.643.242	86.602.139.913
20.490.704.610	23.158.932.394
48.313.610.474	95.982.415.982
3.621.605.678	3.755.982.656
<b>177.492.872.643</b>	<b>354.312.581.562</b>

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN

- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm nay	Năm trước
21.064.069.659	80.020.596.646
21.064.069.659	80.020.596.646
12.392.630	12.392.630
1.700	6.457

**22. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
561.600.000	477.900.000
<b>561.600.000</b>	<b>477.900.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2014*

**23. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ**

	Năm nay	Năm trước
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	26.494.402.962	98.803.749.134
+ Các khoản điều chỉnh tăng	5.319.536.351	3.988.182.356
+ Các khoản điều chỉnh giảm	3.131.751.090	
+ Tổng thu nhập chịu thuế	28.682.188.223	102.791.931.490
+ Thuế TNDN phải nộp	6.310.081.409	25.697.982.873
+ Thuế TNDN được miễn, giảm	879.748.106	6.917.830.386
+ Thuế TNDN còn phải nộp	5.430.333.303	18.783.152.488
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.064.069.659	80.020.596.646

**24. THÔNG TIN BỔ SUNG**

**24.1- Giao dịch giữa các bên liên quan:** Không phát sinh

**24.2- Về báo cáo bộ phận:**

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản và chỉ có mặt hàng chủ yếu là các loại quặng khoáng sản titan, hoạt động sản xuất của công ty là một quy trình khép kín từ khâu khai thác đến khâu sản xuất ra thành phẩm tiêu thụ.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi một tỉnh.

**24.3- Báo cáo về Công cụ tài chính:**

Tình hình sử dụng công cụ tài chính phát sinh tại doanh nghiệp:

- Về hợp đồng kỳ hạn:

không phát sinh

**24.4- Thuyết minh về biến động Lợi nhuận sau thuế của năm 2014 so với năm 2013:**

Doanh thu bán hàng Năm 2014 bằng 39,99% so với năm trước và Lợi nhuận sau thuế Năm 2014 so với năm trước chỉ bằng 26,32%, do các nguyên nhân chính sau:

- Thị trường tiêu thụ hàng hóa khó khăn hơn và giá bán giảm hơn.
- Các khoản chi phí đầu vào tăng cao hơn như: điện, xăng dầu, thuế, phí...

**24.5- Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

*Hương*

Nguyễn Thị Bích Hương

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*Ngọc Bích*

Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



*Lê Anh Vũ*  
Lê Anh Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Lê Anh Vũ*